



TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCP

Địa chỉ: Tầng 20, Tòa nhà Mipec, 229 Tây Sơn — Quận Đống Đa — Hà Nội

Điện thoại: (043) 8641212 Fax: (043) 8642249

Website: www.pgas.petrolimex.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2016

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Tổng công ty Gas Petrolimex – CTCP.**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101447725, do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà nội cấp đăng ký lần đầu ngày 14/01/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 15, ngày 22/02/2016.
- Vốn điều lệ: 603.426.380.000 đồng
- Địa chỉ: Tầng 20, Tòa nhà Mipec, 229 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội
- Số điện thoại: (04)38 641 212, (04)38 642 243,
- Số fax: (04)38 642 249; (04)36 641 197
- Website: www.pgas.petrolimex.com.vn
- Mã cổ phiếu: PGC

Quá trình hình thành và phát triển

Giai đoạn từ năm 1998 trở về trước, các Công ty xăng dầu trực thuộc Tổng công ty xăng dầu Việt Nam đều hoạt động kinh doanh Gas thông qua các Xí nghiệp Gas trực thuộc. Từ năm 1999 trở đi, nền kinh tế đất nước phát triển mạnh, nhu cầu sử dụng Gas trong công nghiệp và dân dụng tăng mạnh và trên thị trường đã hình thành ngành kinh doanh Gas độc lập với tốc độ tăng trưởng của thị trường khá cao; Trước tình hình đó, Tổng công ty xăng dầu Việt Nam đã quyết định tách bộ phận kinh doanh Gas thành đơn vị kinh doanh độc lập để chuyên doanh mặt hàng này nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh trong toàn công ty; theo đó ngày 25/12/1998, Bộ trưởng Bộ Thương Mại đã ký quyết định số 1653/QĐ-BTM thành lập Công ty Gas Petrolimex trực thuộc Tổng công ty xăng dầu Việt Nam. Công ty Gas là doanh nghiệp Nhà nước có tư cách pháp nhân, thực hiện hạch toán độc lập, có con dấu riêng, có tài khoản tiền Việt Nam và tài khoản ngoại tệ tại ngân hàng.

- Ngày 3/12/2003, Bộ trưởng Bộ Thương mại đã ký quyết định số 1669/2003/QĐ-BTM chuyển Công ty Gas thành Công ty Cổ phần Gas Petrolimex (PGC).

- Ngày 14/01/2004, Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103003549 với vốn điều lệ ban đầu là: 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn).
- Năm 2006, Công ty đã phát hành thành công 5.000.000 cổ phần tương ứng với 50 tỷ đồng mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/CP. Nâng tổng vốn điều lệ lên thành 200.000.000.000 đồng (hai trăm tỷ đồng).
- Ngày 24/11/2006, Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán TP.HCM theo quyết định số 65/GPNY-UBCK ngày 20/10/2006 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp, mã chứng khoán là PGC với 20.000.000 cổ phần mệnh giá 10.000 đ/CP được niêm yết.
- Năm 2007, Công ty đã phát hành và niêm yết thành công 5.000.000 cổ phần tương ứng với 50 tỷ đồng mệnh giá cổ phiếu 10.000 đ/CP. Nâng tổng vốn điều lệ lên thành 250.000.000.000 đồng (hai trăm năm mươi tỷ đồng).
- Năm 2009, Công ty đã phát hành tăng vốn và niêm yết thành công 1.499.823 cổ phần tương ứng với 14.998.230.000 đồng mệnh giá cổ phiếu 10.000 đ/CP. Nâng tổng vốn điều lệ lên thành 264.998.230.000 đồng (hai trăm sáu mươi bốn tỷ, chín trăm chín mươi tám triệu, hai trăm ba mươi nghìn đồng).
- Năm 2011, Công ty đã phát hành tăng vốn và niêm yết thành công 9.746.876 cổ phần tương ứng với 97.468.760.000 đồng mệnh giá cổ phiếu 10.000 đ/CP. Nâng tổng vốn điều lệ lên thành 344.466.990.000 đồng (ba trăm bốn mươi bốn tỷ, bốn trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng).
- Ngày 05/02/2013, Công ty chính thức đổi tên thành Tổng công ty Gas Petrolimex-CTCP theo giấy đăng ký kinh doanh số 0101447725, do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
- Trong năm 2013, Tổng công ty đã phát hành tăng vốn và niêm yết thành công 15.840.804 cổ phần tương đương với 158.408.040.000 đồng mệnh giá cổ phiếu 10.000 đ/CP. Nâng tổng vốn điều lệ lên thành 502.875.030.000 đồng (năm trăm linh hai tỷ, tám trăm bảy mươi lăm triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng).
- Năm 2015, Tổng công ty đã phát hành tăng vốn thành công 10.055.135 cổ phần tương đương với 100.551.350.000 đồng mệnh giá cổ phiếu 10.000 đ/CP. Nâng tổng vốn điều lệ lên thành 603.426.380.000 đồng (sáu trăm linh ba tỷ, bốn trăm hai mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng).
- Năm 2016, Tổng công ty đã niêm yết thành công số cổ phần đã phát hành thêm năm 2015: 10.055.135 cổ phần. Tổng số cổ phần niêm yết đến nay là 60.342.638 cổ phần.

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

❖ **Ngành nghề kinh doanh:**

- **Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;**
- ❖ Kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện;

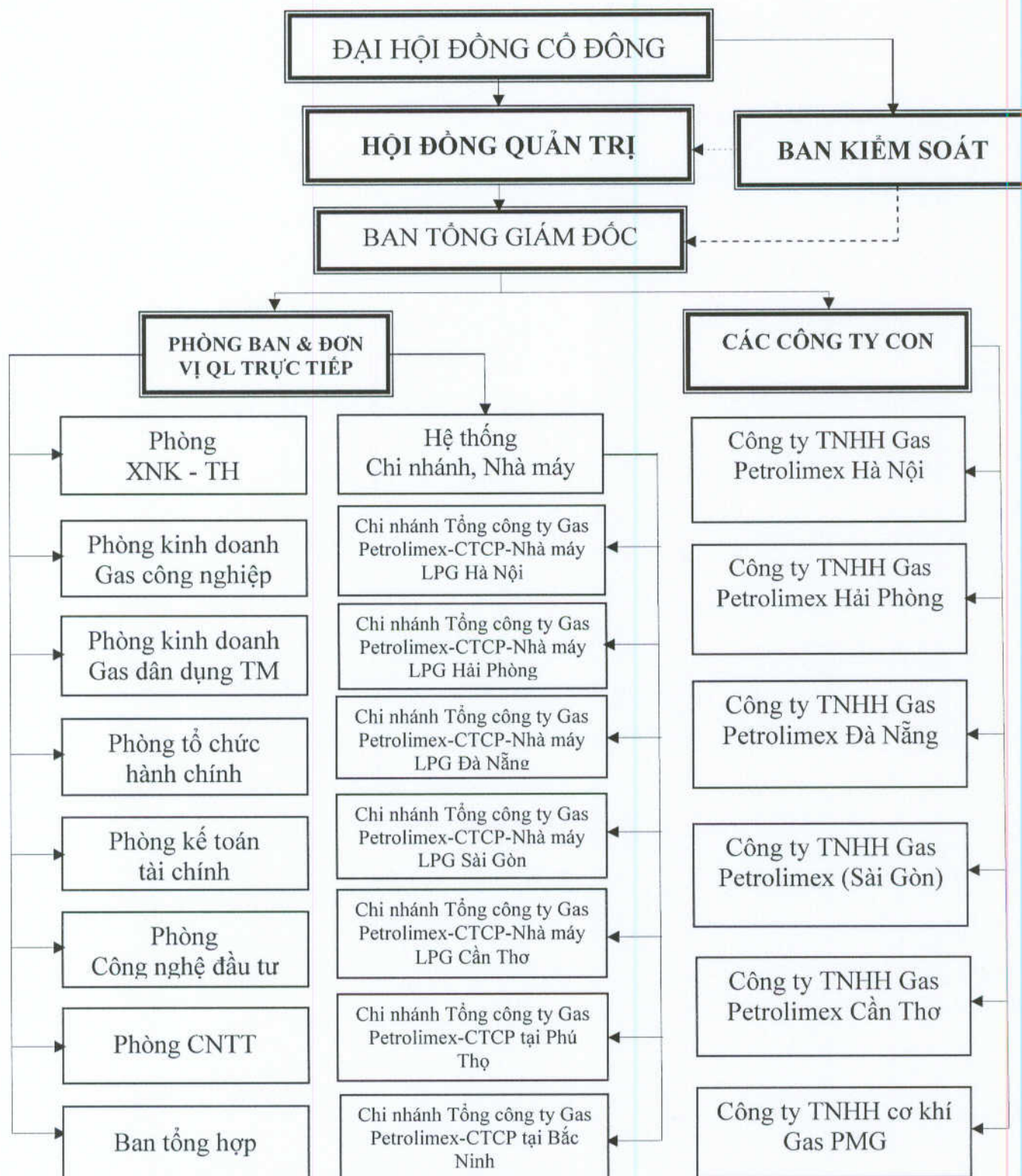
- Tư vấn đầu tư, chuyên giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng theo qui định của pháp luật;
- Kiểm định, bảo dưỡng các loại vỏ bình gas.
- Dịch vụ thương mại;
- Kinh doanh địa ốc và bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá)

Hoạt động kinh doanh Gas là hoạt động chủ yếu của công ty. Doanh thu từ hoạt động này chiếm trên 90% doanh thu của Tổng công ty. Tổng Công ty hoạt động kinh doanh trên toàn quốc với hệ thống các Công ty con 100% vốn và các chi nhánh, cửa hàng trực thuộc. Tổng Công ty cũng cung cấp ra thị trường các thiết bị và phụ kiện được sử dụng với Gas LPG như bình gas, van bình, bồn chứa Gas.

- ❖ **Địa bàn kinh doanh:** Rộng khắp các tỉnh, thành trên cả nước.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

❖ Cơ cấu tổ chức bộ máy:



Các công ty con, công ty liên kết:

❖ Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội.

- Địa chỉ : 775 Giải Phóng - phường Giáp Bát, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;
- Vốn điều lệ thực góp: **20.000.000.000 VNĐ**
- Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty: 100%.

❖ Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng.

- Địa chỉ : Tầng 4 toà nhà TD Business Center, Lô 20A đường Lê Hồng Phong , P.Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP Hải Phòng
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;
- Vốn điều lệ thực góp: **30.000.000.000 VNĐ**
- Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty: 100%.

❖ Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng.

- Địa chỉ : Số 122 Đường 2 tháng 9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;
- Vốn điều lệ thực góp: **40.000.000.000 VNĐ**
- Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty: 100%.

❖ Công ty TNHH Gas Petrolimex (Sài Gòn).

- Địa chỉ : Số 322 Điện Biên Phủ, P22, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh.
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;
- Vốn điều lệ thực góp: **70.000.000.000 VNĐ**
- Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty: 100%.

❖ Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ.

- Địa chỉ: Số 110 Đường CMT8 - TP Cần Thơ
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;
- Vốn điều lệ thực góp: **15.000.000.000 VNĐ**
- Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty: 100%.

❖ Công ty TNHH Cơ Khí gas PMG.

- Địa chỉ: Tổng kho xăng dầu Nhà Bè, TT Nhà bè, Huyện Nhà Bè, TP. HCM.
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng bình gas.
- Vốn điều lệ thực góp: **22.524.919.267**
- Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty: 51%.

4. Định hướng phát triển

❖ **Các mục tiêu chủ yếu của Tổng Công ty.**

- ❖ Phân đầu tốc độ tăng trưởng sản lượng gas bình quân hàng năm từ 03%-05% và nếu có thể cao hơn khi có cơ hội. Lợi nhuận tăng trưởng một cách bền vững đảm bảo mức chi trả cổ tức cho Cổ đông và có lợi nhuận tích lũy để tái đầu tư phát triển.
- ❖ Tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả kinh doanh hoặc tái cấu trúc lại công ty tại các đơn vị mà Tổng công ty đã đầu tư liên doanh liên kết. Tìm kiếm lợi nhuận và phát triển loại hình kinh doanh mới mà trước mắt là tận dụng lợi thế sẵn có của Tổng công ty để phát triển loại hình kinh doanh này.
- ❖ Phân đầu xây dựng cơ cấu tài chính hợp lý, an toàn và hiệu quả hơn.
- ❖ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn.**

❖ **Chiến lược thị trường:**

Trong bối cảnh kinh tế hiện nay của nước ta, việc hội nhập với thế giới ngày càng cần thiết, đa dạng và tất yếu, chính vì vậy Tổng công ty nhận định việc mở rộng thị trường là điều kiện cần thiết để phát triển doanh nghiệp. Trong những năm tới Tổng công ty sẽ tiếp tục nâng cao năng lực sản xuất, đầu tư hệ thống kho tồn chứa và phân phối tại các Cảng, kho đầu mối, nâng cao năng lực quản trị hàng dự trữ, củng cố khách hàng truyền thống và phát triển khách hàng mới, phân tích và tìm kiếm vùng thị trường còn trống. Duy trì hướng phát triển theo hướng đa ngành nghề và trực chính là kinh doanh Gas để tạo tiền đề cho sự phát triển mạnh của Tổng công ty sau này.

Nghiên cứu và triển khai tái cấu trúc Tổng công ty để nâng cao khả năng khai thác các nguồn lực, hệ thống kho đầu mối.... phù hợp với chiến lược thị trường.

❖ **Chiến lược phân phối:**

Đặc thù kinh doanh của Tổng công ty chủ yếu là lĩnh vực thương mại nên việc tiếp tục hoàn thiện và phát triển đa dạng các kênh phân phối tại các vùng thị trường trọng điểm cũng như kênh phân phối được thiết lập tại hầu hết các tỉnh, thành phố trên cả nước. Tổng công ty xác định Gas là sản phẩm đặc thù cần đảm bảo an toàn trong khai thác, vận chuyển và sử dụng. Chính vì vậy, ngoài việc bán hàng đơn thuần, Tổng công ty gắn công tác dịch vụ kỹ thuật và công tác dịch vụ sau bán hàng để khẳng định Gas Petrolimex chính là sự lựa chọn tin cậy của khách hàng.

❖ **Chiến lược giá:**

Thị trường khí dầu mỏ hoá lỏng tại Việt Nam trong vài năm trở lại đây là một trong những lĩnh vực cạnh tranh ngày càng gay gắt, trong đó bao gồm cả cạnh tranh về giá. Mặc dù vậy, chiến lược giá của Tổng công ty luôn xác định mức giá phù hợp với thị trường trên cơ sở khả năng tài chính của Tổng công ty để cùng một số Hãng Gas lớn khác bình ổn thị trường nhằm đảm bảo hài hoà các lợi ích giữa Người tiêu dùng và Nhà phân phối.

❖ **Chiến lược nguồn nhân lực:**

Nhân tố con người là nguồn lực tài chính vô hình góp phần quan trọng trong việc quyết định sự thành công, phát triển của doanh nghiệp. Do đó công tác quản trị nguồn nhân lực của Tổng công ty tập trung vào:

- + Phát triển nguồn nhân lực trẻ thông qua kế hoạch tuyển dụng và đào tạo nhằm tạo ra động lực phát triển, từng bước kế thừa và tiếp thu những kinh nghiệm từ đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm.
- + Thường xuyên đào tạo để nâng cao tay nghề, trình độ của đội ngũ nhân viên, cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý.
- + Từng bước cải tiến cơ cấu tổ chức, tiền lương, tiền thưởng hợp lý nhằm khuyến khích tăng năng suất lao động cũng như tạo ra môi trường thuận lợi để mỗi cán bộ công nhân viên tự khẳng định mình.
- + Tạo điều kiện để mọi người lao động trong Tổng công ty đều có cơ hội sở hữu cổ phần của công ty nhằm phát huy tinh thần làm chủ, gắn bó thực sự lâu dài với Tổng công ty.

5. Các rủi ro.

❖ Rủi ro về biến động giá

Sản phẩm kinh doanh của PGC là các chế phẩm từ dầu mỏ, là nguồn nguyên liệu đang dần cạn kiệt và bị điều tiết về giá cả và sản lượng bởi tổ chức OPEC. Do vậy, sự biến động khó lường về giá dầu mỏ trong năm và phụ thuộc nguồn cung ở nước ngoài đã ảnh hưởng rất lớn đến giá thành sản phẩm, nhưng đầu ra lại không thể thay đổi giá nhanh như đầu vào do bị sức ép về mặt bằng giá bán trên thị trường của khách hàng, đối thủ cạnh tranh. Mặt khác, biến động khó lường về giá cũng là yếu tố rủi ro rất lớn về chênh lệch tồn kho đối với doanh nghiệp kinh doanh dầu mỏ như PGC.

❖ Rủi ro về biến động tỷ giá

PGC là một doanh nghiệp kinh doanh mà đầu vào phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu. Biến động về tỷ giá sẽ tác động rất lớn đến chi phí đầu vào. Do vậy, kết quả kinh doanh phụ thuộc rất nhiều vào chính sách điều hành tỷ giá của Nhà nước cũng như những biến động về nguồn cung và giá dầu mỏ trên thế giới.

❖ Rủi ro về pháp luật:

Luật pháp và các văn bản dưới luật, các quy định của ngành, hướng dẫn về thuế thường xuyên thay đổi, chưa đồng bộ nên có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của PGC.

❖ Rủi ro về khí hậu:

Sự thay đổi của khí hậu, mùa trong năm ảnh hưởng ít nhiều đến sản lượng tiêu thụ gas hóa lỏng LPG của PGC.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- ❖ Kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty năm 2016 được thể hiện qua một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2015	KH 2016	TH 2016	So sánh (%)	
						TH 2015	KH 2016
1	Tổng doanh thu thuần hợp nhất	Triệu đ	2.569.974	2.549.482	2.378.572	92%	93%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Triệu đ	123.584	110.000	140.352	114%	128%
3	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Triệu đ	95.259	88.000	112.230	118%	127%
4	Tỷ suất LN sau thuế /vốn điều lệ	%	15,78%	14,58%	18,60%	118%	127%
5	Tỷ lệ Cổ tức/vốn góp	%	12%	12%	12%		100%

(Theo báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016)

Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất 140 tỷ đồng, đạt 128% so với kế hoạch năm 2016 và bằng 114% so với năm 2015.

2. Tổ chức và nhân sự

❖ Ban điều hành:

- 1) Ông Vũ Hồng Khánh: UV HĐQT kiêm Tổng giám đốc.
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Đại học TCKT
 - Số cổ phần nắm giữ: 8.724
- 2) Ông Phạm Thanh Sơn: Phó Tổng Giám đốc.
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế LĐTTL, ĐHKQTĐ
 - Số cổ phần nắm giữ: 2
- 3) Ông Nguyễn Khắc Trí: Phó Tổng Giám đốc.
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư, ĐH Bách Khoa HN.
 - Số cổ phần nắm giữ: 37.084
- 4) Ông Nguyễn Hữu Quang: Phó Tổng Giám đốc.
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Đại học TCKT
 - Số cổ phần nắm giữ: 0
- 5) Bà Đỗ thị Vân Chi: Trưởng phòng Kế toán tài chính
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân
 - Số cổ phần nắm giữ: 0

Những thay đổi trong ban điều hành

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Ông Nguyễn Hữu Quang	Phó tổng giám đốc	01/02/2016
2	Bà Đỗ Thị Vân Chi	Trưởng phòng KTTC	01/03/2016

- ❖ Số lượng cán bộ, nhân viên, chính sách đối với người lao động: được trình bày tại mục 6 - báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Các công trình thực hiện:

Trong năm 2016, Tổng công ty đã triển khai đầu tư xây dựng theo đúng Quy chế ĐTXD và bám sát Nghị quyết và kế hoạch Hội đồng quản trị phê duyệt, tập trung chủ yếu vào các công trình trọng điểm sau:

- Hoàn thành các thủ tục mua quyền sử dụng đất xây dựng văn phòng Chi nhánh Gas Petrolimex Bắc Ninh, đã được cấp phép xây dựng và đang trong quá trình soát xét thẩm định hồ sơ thiết kế dự toán trình, lập hồ sơ mời thầu và tổ chức đấu thầu.
- Hoàn thiện thủ tục pháp lý triển khai đầu tư trạm nạp Sơn La: giấy chứng nhận đầu tư, thẩm duyệt PCCC, giấy phép xây dựng, đã trình Hội đồng quản trị phê duyệt tổng dự toán thiết kế.
- Hoàn thiện hồ sơ mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất làm cửa hàng Gas số 04 (PGC Đà Nẵng); Văn phòng Chi nhánh Gas Petrolimex Hà Nam (PGC Hải Phòng); cửa hàng Gas số 10 & 29 (PGC Hà Nội) nhằm hình thành mạng lưới kinh doanh bán lẻ ổn định lâu dài.
- Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty con, công ty liên kết năm 2016:

❖ **Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội:**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2015	2016	So sánh (%)
1	Vốn điều lệ	20.000	20.000	100%
2	Doanh thu thuần	297.740	287.149	96%
3	Lợi nhuận trước thuế	19.442	23.669	122%
4	Lợi nhuận sau thuế	15.159	18.922	125%
5	Tổng tài sản	78.377	84.759	108%

❖ **Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng:**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2015	2016	So sánh (%)
1	Vốn điều lệ	30.000	30.000	100%
2	Doanh thu thuần	454.854	439.411	97%
3	Lợi nhuận trước thuế	12.445	13.732	110%
4	Lợi nhuận sau thuế	9.658	10.967	114%
5	Tổng tài sản	131.186	156.873	120%

❖ **Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng:**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2015	2016	So sánh (%)
1	Vốn điều lệ	40.000	40.000	100%
2	Doanh thu thuần	400.003	403.977	101%
3	Lợi nhuận trước thuế	13.720	14.813	108%
4	Lợi nhuận sau thuế	10.692	11.850	111%
5	Tổng tài sản	131.873	141.048	107%

❖ **Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn:**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2015	2016	So sánh (%)
1	Vốn điều lệ	70.000	70.000	100%
2	Doanh thu thuần	694.561	518.719	75%
3	Lợi nhuận trước thuế	23.869	29.783	125%
4	Lợi nhuận sau thuế	18.429	23.649	128%
5	Tổng tài sản	147.326	140.802	96%

❖ **Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ:**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2015	2016	So sánh (%)
1	Vốn điều lệ	15.000	15.000	100%
2	Doanh thu thuần	159.664	159.005	100%
3	Lợi nhuận trước thuế	956	1.726	180%
4	Lợi nhuận sau thuế	746	1.381	185%
5	Tổng tài sản	53.714	58.891	110%

❖ **Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG:**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2015	2016	So sánh (%)
1	Vốn điều lệ	22.525	22.525	100%
2	Doanh thu thuần	156.414	204.845	131%

3	Lợi nhuận trước thuế	22.969	26.624	116%
4	Lợi nhuận sau thuế	17.762	21.194	119%
5	Tổng tài sản	51.739	67.692	131%

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	So sánh (%)
Tổng giá trị tài sản	2,017,531	1,978,159	98%
Doanh thu thuần	2,569,974	2,378,572	93%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	110,498	134,886	122%
Lợi nhuận khác	13,086	5,467	42%
Lợi nhuận trước thuế	123,584	140,352	114%
Lợi nhuận sau thuế	95,259	112,230	118%
Tỷ lệ trả cổ tức	12%	12%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,707	1,096
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,603	0,982
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,687	0,630
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,193	1,701
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	17,373	14,197
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,274	1,202
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,71%	4,72%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	15,08%	15,32%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,047	0,057
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DT thuần	0,707	1,096

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần phát hành: 60.342.638 cổ phần (toàn bộ là cổ phần phổ thông)
- Số cổ phiếu quỹ: 3.353 cổ phần
- Số cổ phần đang lưu hành: 60.339.285 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu tỷ lệ sở hữu

ĐVT: 1.000 VNĐ

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Tỷ lệ (%)
CD sở hữu trên 5% CP	31,604,299	52.375%	0	0.00%	31,604,299	52.375%
CD sở hữu từ 1% đến 5% CP	11,401,067	18.894%	3,643,431	6.038%	15,044,498	24.932%
CD sở hữu dưới 1% CP	11,653,919	19.313%	2,039,922	3.381%	13,693,841	22.693%

Cơ cấu vốn cổ đông

ĐVT: 1.000 VNĐ

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông Nhà nước:	31.604.299	52,375%	-	-	31.604.299	52,375%
2. Cổ đông khác	23.054.986	38,207%	5.683.353	9,418%	28.738.339	47,625%
2.1 Cá nhân	17.603.126	29,172%	688.739	1,141%	18.291.865	30,313%
2.2 Tổ chức	5.451.860	9,035%	4.994.614	8,277%	10.446.474	17,312%

c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không có thay đổi.

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có giao dịch.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty

❖ **Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

Các nguyên vật liệu sử dụng đều được Tổng công ty khoán định mức.

❖ **Tiêu thụ năng lượng**

Sử dụng điện cho hoạt động sản xuất:

Đơn vị tính: triệu 1.000kw/tháng

STT	Đơn vị	Điện năng tiêu thụ bình quân/tháng
1	Nhà máy LPG Hà Nội	34
2	Nhà máy LPG Hải Phòng	20
3	Nhà máy LPG Đà Nẵng	22
4	Nhà máy LPG Sài Gòn	15
5	Nhà máy LPG Cần Thơ	18

❖ **Tiêu thụ nước:**

- **Nguồn cung cấp:** Nguồn nước tại PGC được sử dụng là nguồn nước sạch của Công ty cấp thoát nước thuộc các tỉnh, thành phố nơi PGC có địa bàn hoạt động, dùng cho mục đích sản xuất (vệ sinh vỏ bình gas, vệ sinh máy móc, thiết bị nhà máy, phòng cháy chữa cháy...) và sinh hoạt (nấu ăn, vệ sinh, tưới cây...)
- **Khối lượng nước thu thụ trong năm:**

Đơn vị: m³

STT	Đơn vị	Tiêu thụ bình quân/tháng
1	Nhà máy LPG Hà Nội	171
2	Nhà máy LPG Hải Phòng	184
3	Nhà máy LPG Đà Nẵng	217
4	Nhà máy LPG Sài Gòn	141
5	Nhà máy LPG Cần Thơ	352

- **Biện pháp giúp tiết kiệm nguồn nước:** Để sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nguồn nước, PGC đã tiến hành lắp đặt toàn bộ đồng hồ nước có kiểm định của đơn vị cấp nước thành phố cho tất cả các đơn vị sử dụng nước. Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống sử dụng nước và xử lý kịp thời nếu có các rò rỉ nước. Nâng công suất hệ thống máy móc rửa bình gas tiết kiệm nước. Có theo dõi thống kê hàng tháng, nhắc nhở tắt mồi, sử dụng đúng mục đích và giáo dục ý thức tiết kiệm. Ngoài ra Tổng công ty đang theo dõi để khoán định mức chuẩn nước sử dụng từng nhà máy.

❖ **Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

Tổng công ty luôn tuân thủ, không vi phạm các quy định pháp luật về môi trường và thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý môi trường địa phương. Hiện tại, toàn bộ các nhà máy, trạm nạp của Tổng công ty đều có các đề án bảo vệ môi trường chi tiết và được các sở tài nguyên và môi trường tại địa phương kiểm tra, đo đạc và phê duyệt.

❖ **Chính sách liên quan đến người lao động:**

Tổng số lao động của Tổng Công ty (bao gồm cả công ty con 100% vốn góp) đến thời điểm 31/12/2016 là 949 lao động, cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện như sau:

Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ %
Trên đại học	25	2.6%
Đại học và Cao đẳng	487	51.3%
Trung cấp	86	9.1%
Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	334	35.2%
Phổ thông	17	1.8%
Tổng	949	

Thu nhập bình quân đối với người lao động năm 2016 là: 13,6 triệu đồng/người/tháng

▪ Chính sách đào tạo.

Tổng công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ tại các đơn vị. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- ✓ Đối với lao động trực tiếp: Tổng công ty thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng. Tổng công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học.
- ✓ Đối với lao động tại các phòng chuyên môn nghiệp vụ: Tổng công ty luôn tạo điều kiện cho tham gia học cả trong và ngoài nước về các ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của nhà nước... Những cán bộ công nhân viên do Tổng công ty cử đi học được thanh toán chi phí học tập và được hưởng lương theo kết quả học tập.

▪ Chính sách lương, thưởng.

Tổng công ty xây dựng quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Tổng công ty. Đơn giá tiền lương được xác định dựa vào tổng quỹ lương (theo quy định của nhà nước về thang bảng lương, số lượng lao động, mức tối thiểu, hệ số điều chỉnh theo vùng), sản lượng bán hàng số và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương được phân phối theo nguyên tắc phân phối theo lao động và sử dụng tiền lương như đòn bẩy kinh tế quan trọng nhất để kích thích người lao động tích cực tham gia sản xuất kinh doanh. Việc phân phối lương được thực hiện công khai và dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Tổng công ty.

Sau khi cổ phần hoá, Tổng công ty đã xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Kết quả, cho thấy chính sách lương mới phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người tạo được sự khuyến khích cán bộ công

nhân viên của Tổng công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Tổng công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, Tổng công ty đưa ra chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí.

II. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Kết quả sản xuất kinh doanh

Những yếu tố thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng tới hoạt động của Tổng công ty trong năm 2016:

Mặc dù chịu nhiều tác động tiêu cực từ bối cảnh bên trong cũng như quốc tế, kết thúc năm 2016, tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước vẫn đạt mức 6,21%. Điều này đã giúp cho tổng mức tiêu thụ LPG trong nước đạt xấp xỉ 1,57 triệu tấn – tăng 5,5% so với năm 2015.

Giá CP bình quân cả năm là 340 USD/tấn (bằng 80% giá CP của năm 2015) với số tháng giá tăng và giảm là tương đương nhau, trong đó tổng mức giảm giá của các tháng có CP giảm là 247,5 USD/tấn và tổng mức tăng giá của các tháng có CP tăng là 185 USD/tấn.

Nghị định 19/2016/NĐ-CP thay thế cho Nghị định 107/2009/NĐ-CP đã được chính phủ ban hành ngày 22/03/2016 về quản lý kinh doanh khí, trong đó có sản phẩm LPG và có hiệu lực từ ngày 15/05/2016. Do nhiều bất cập, hiện Nghị định này đang được chính phủ xem xét sửa đổi để phù hợp hơn với điều kiện thực tế của thị trường LPG trong nước.

Tóm tắt các chỉ tiêu định lượng phản ánh tình hình kinh doanh của Tổng công ty trong năm 2016:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2016	KH 2016	TH 2015	So sánh (%)	
						KH 2016	C.Kỳ 2015
1	Sản lượng xuất bán	Tấn	142.881	139.943	136.209	102%	105%
2	Tổng doanh thu thuần hợp nhất	tỷ.đồng	2.379	2.549	2.570	93%	93%
3	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	tỷ.đồng	140	110	124	128%	114%
4	Lợi nhuận sau thuế (lợi ích cổ đông của Tổng Công ty)	tỷ.đồng	103	83	88	124%	117%
5	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	tỷ.đồng	93	78	87	120%	108%
6	Tỷ lệ Cổ tức/vốn góp	%	12%	12%	12%	100%	100%

Các số liệu trên đây cho thấy tình hình kinh doanh năm 2016 của Tổng công ty là tương đối khả quan; sản lượng, lợi nhuận đều vượt kế hoạch và tăng trưởng so với năm 2015. Dưới đây là các nguyên nhân chủ yếu:

- Tổng công ty luôn bám sát thị trường để có chính sách đồng bộ từ đầu nguồn với mức giá mua cạnh tranh tới khâu bán hàng và phát triển thị trường phù hợp với từng vùng, từng kênh phân phối với các trọng tâm, trọng điểm cụ thể. Trong năm 2016, Tổng công ty cũng đầu tư thỏa đáng cho công tác xây dựng và phát triển thương hiệu, đặc biệt là các chương trình phối hợp với các công ty xăng dầu thành viên của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam đã đạt được những kết quả hết sức tích cực, tạo được sự lan tỏa rộng khắp trên phạm vi toàn quốc.
- Tăng cường công tác quản trị nội bộ để tiết giảm chi phí, quản trị rủi ro (giảm giá hàng tồn kho, rủi ro tỷ giá, công nợ,...), áp dụng nhiều hình thức thanh toán linh hoạt, phối hợp với các ngân hàng thương mại triển khai, xin phép cơ chế đặc thù của ngành hàng, đồng thời tận dụng tối đa vị thế thương hiệu, dòng tiền... để giảm thiểu chi phí vốn trong toàn Tổng công ty. Trong năm 2016, Tổng công ty cũng đặc biệt quan tâm và đầu tư cho công nghệ thông tin nhờ đó giúp nâng cao chất lượng của công tác quản trị nội bộ cũng như tính chính xác và kịp thời của các quyết định quản lý.
- Tiếp tục thực hiện định hướng tinh giản bộ máy quản lý, ưu tiên tối đa cho lao động bán hàng; thường xuyên rà soát, đánh giá, hợp lý hóa các quy trình nghiệp vụ, trình độ chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng lao động, tiết kiệm tối đa lao động, đổi mới cơ cấu, chất lượng lao động để từng bước nâng cao năng suất lao động góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm trên phương diện giá bán.
- Tổng công ty luôn coi trọng công tác quản lý kỹ thuật cũng như chất lượng hàng hóa nhằm đảm bảo sản xuất kinh doanh an toàn và cung cấp tới người tiêu dùng sản phẩm có chất lượng cao. Trên thị trường hiện nay, gas của Petrolimex luôn được khách hàng đánh giá là chất lượng đứng đầu và nhờ đó mức lãi gộp luôn được duy trì ở mức cao hơn so với thị trường.
- Tình hình kinh doanh khả quan của Công ty sản xuất bình gas PMG (đơn vị Tổng công ty đang nắm giữ 51% vốn điều lệ): Ngoài cung cấp vỏ bình phục vụ cho nhu cầu kinh doanh của Tổng công ty, năm 2016, PMG đã tích cực và chủ động tìm kiếm khách hàng bên ngoài (chiếm 75% tổng sản lượng xuất bán ra). Nhờ vậy, sản lượng thực hiện năm 2016 đạt 249% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 21,19 tỷ đồng- đạt 212% kế hoạch

2. Tình hình tài chính

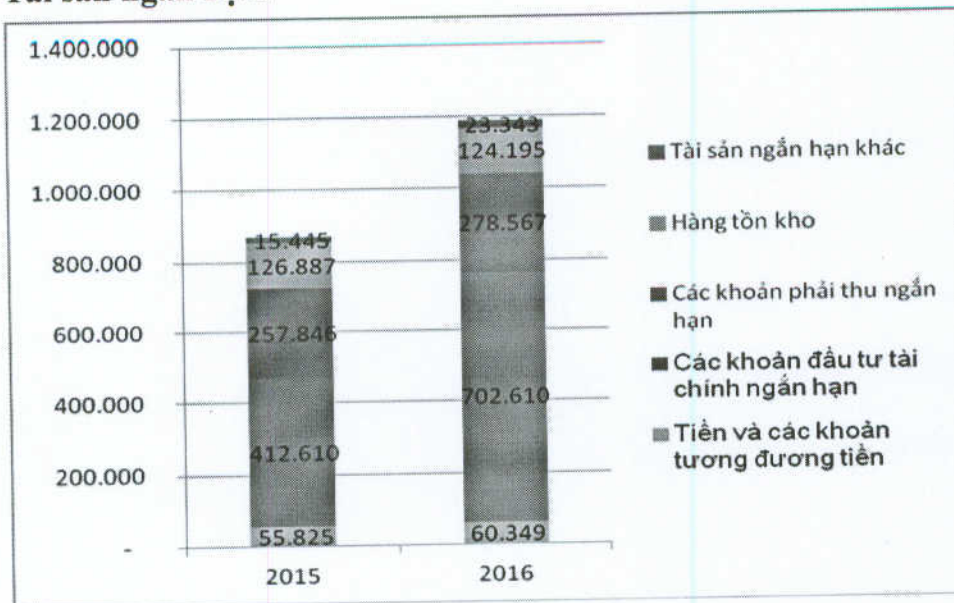
❖ Cơ cấu vốn

Đơn vị tính: triệu đồng

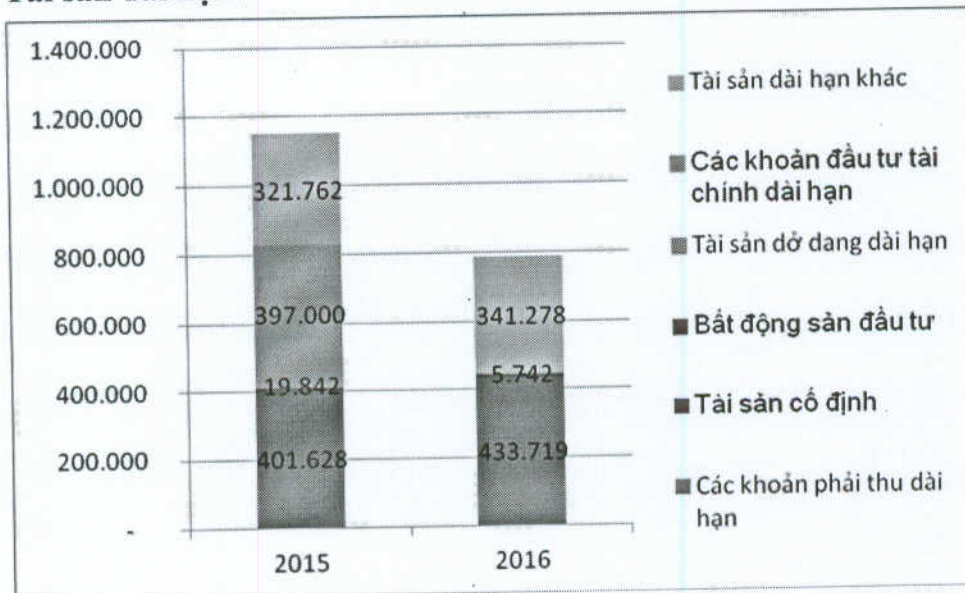
STT	Chi tiêu	2015	2016
I	Tổng tài sản	2.018	1.978
1	Tài sản ngắn hạn	869	1.189
2	Tài sản dài hạn	1.149	789
II	Tổng nguồn vốn	2.018	1.978
1	Nợ phải trả	1.386	1.246
-	Nợ ngắn hạn	1.229	1.084

-	Nợ dài hạn	156	161
2	VCSH bao gồm lợi ích CĐ thiểu số	632	732

❖ **Tài sản ngắn hạn:**

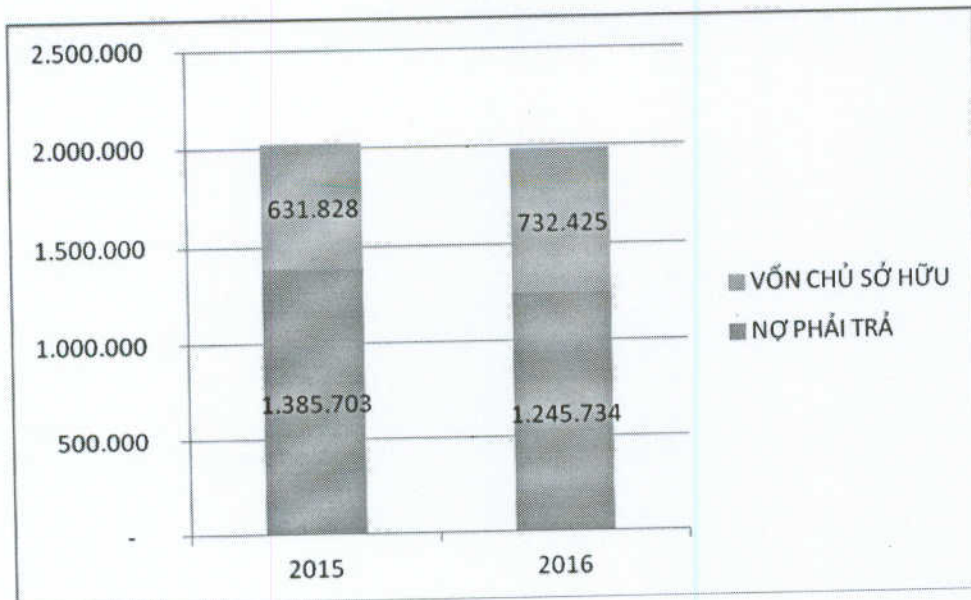


❖ **Tài sản dài hạn:**

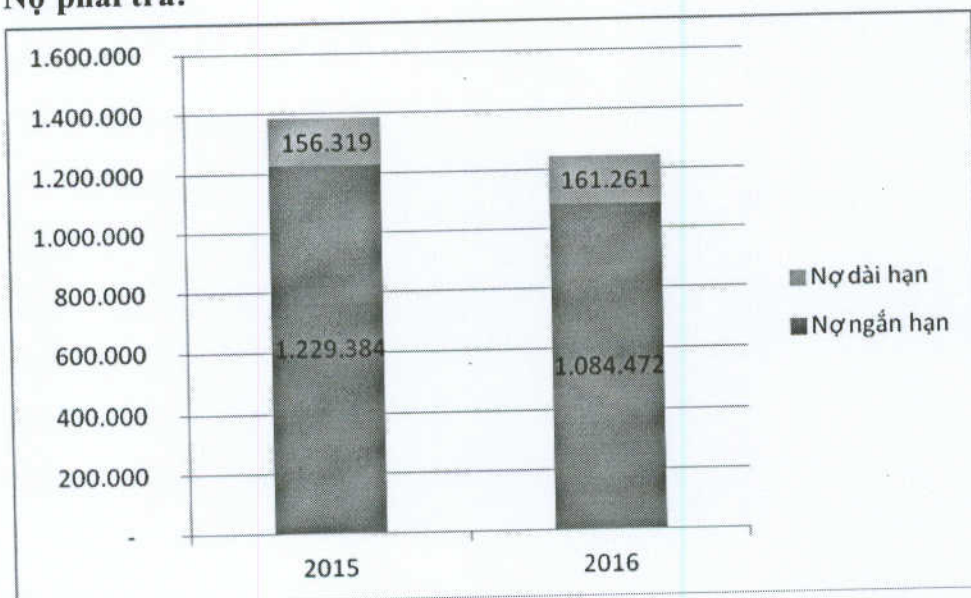


Tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn có sự biến động lớn từ năm 2015 sang 2016 chủ yếu là do khoản đầu tư tài chính dài hạn năm 2015 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 01 năm được chuyển sang ngắn hạn trong năm 2016.

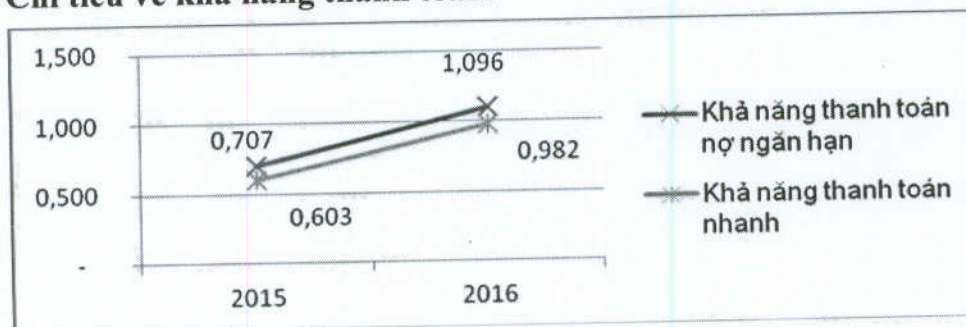
❖ **Nguồn vốn:**



❖ **Nợ phải trả:**

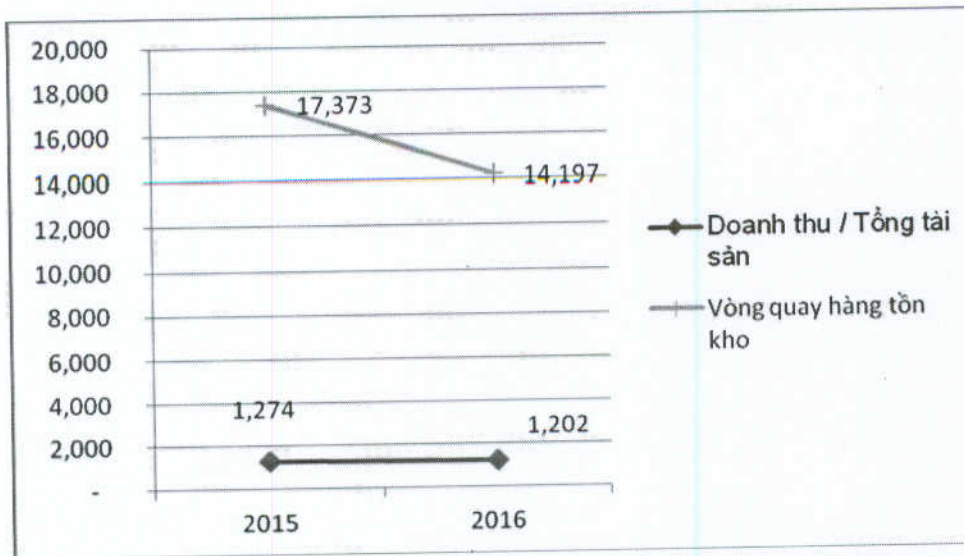


❖ **Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:**



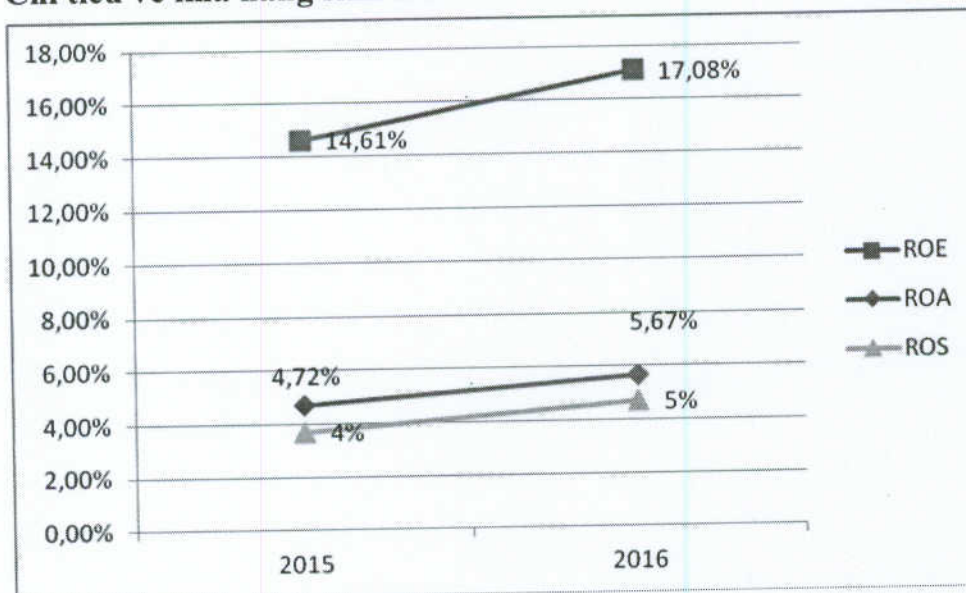
Chỉ số về khả năng thanh toán ngắn hạn năm 2016 > 1 cho thấy Tổng công ty đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

❖ **Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:**



Chỉ số doanh thu trên tổng tài sản giảm chủ yếu là do giá đầu vào giảm và giá bán giảm. Tuy nhiên sản lượng tiêu thụ của Tổng công ty năm 2016 vẫn tăng trưởng so với năm 2015 (năm 2016 tăng trưởng 4,7% so với năm 2015).

❖ **Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:**



Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản và trên tổng doanh thu tăng trưởng đều qua các năm, điều đó đảm bảo cho Tổng công ty luôn duy trì mức chi trả cổ tức cho chủ sở hữu tối thiểu 12%.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tiếp tục thực hiện định hướng mang tính chiến lược về việc tái cấu trúc, sắp xếp lại mô hình tổ chức theo hướng ưu tiên các nguồn lực để phát triển thị trường, tổ chức quản lý kinh doanh theo hướng thống nhất về mô hình, thuận lợi trong việc tổ chức phát triển thị trường, giảm thiểu cạnh tranh nội bộ, Tổng công ty thường xuyên rà soát, đánh giá lại mô hình hoạt động, sắp xếp lại mạng lưới bán hàng để nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh doanh. Cụ thể:

- Tiếp tục thực hiện tại Tổng công ty và chỉ đạo các Công ty thành viên rà soát trình độ chuyên môn nghiệp vụ người lao động, bố trí, sắp xếp lại lực lượng lao động hiện có, phù hợp với tiêu chuẩn chức danh và tiêu chuẩn định biên theo

nguyên tắc tinh giản bộ máy quản lý, ưu tiên tối đa cho lao động bán hàng, từng bước thay đổi hợp lý cơ cấu, chất lượng lao động.

- Thực hiện hồ sơ bổ nhiệm 01 Phó Tổng giám đốc; Trưởng phòng kế toán tài chính; 01 Phó trưởng phòng phụ trách phòng Kinh doanh gas DDTM tổng công ty; phó giám đốc phụ trách nhà máy LPG Hà Nội và Đà Nẵng theo đúng quy định của Pháp luật và Tổng công ty;
- Thực hiện chủ trương quản lý chặt chẽ lao động; tại thời điểm 31/12/2016 số lao động có mặt toàn Tổng công ty là 949 lao động, thấp hơn kế hoạch 27 lao động.
- Tiếp tục thực hiện bàn giao lại công tác tổ chức kinh doanh tại một số địa bàn cho các công ty xăng dầu quản lý sau khi đã được củng cố, gia tăng thị phần để nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh doanh, khai thác tốt hơn nữa cơ sở vật chất của Petrolimex;
- Đẩy mạnh công tác phối hợp, hỗ trợ các công ty xăng dầu thành viên của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam để mở rộng mạng lưới kinh doanh, gia tăng thị phần của Tổng công ty; đồng thời khai thác ngày một tốt hơn hệ thống mạng lưới phân phối riêng có của hệ thống Petrolimex, tạo sự phát triển ổn định và bền vững;
- Tăng cường công tác quản lý hoạt động của các công ty con, các chi nhánh trực thuộc nhằm gia tăng sản lượng xuất bán, gia tăng thị phần và nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Sửa đổi, bổ sung, ban hành lại nhiều quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định mới của Nhà nước và pháp luật.

4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.*

- Hàng năm Tổng công ty đều lập và triển khai kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, đảm bảo quyền lợi, chế độ lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng cho người lao động đã cam kết tại Thỏa ước lao động tập thể đồng thời phù hợp với chính sách phát triển dài hạn của Tổng công ty.
- Năm 2016, không có tranh chấp về lao động và quyền lợi của người lao động đối với các chương trình, kế hoạch mà Tổng công ty đã đề ra. Quyền lợi của người lao động được đảm bảo theo những cam kết tại Thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động. Người lao động đều muốn gắn bó, làm việc lâu dài tại Tổng công ty

b. *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.*

- Tổng công ty nhiệt tình tham gia các cuộc vận động ủng hộ, tham gia công tác xã hội - từ thiện. Tích cực vận động và nhận được sự tham gia rất nhiệt tình ủng hộ từ CB-NLĐ cho công tác xã hội, từ thiện, đóng góp cho các quỹ: Vì người nghèo, vì trẻ em khuyết tật, quỹ nạn nhân chất độc màu da cam cụ thể như sau:

+ Hiện Tổng công ty đang phụng dưỡng 2 bà mẹ Việt nam anh hùng.

- + Tham gia ủng hộ đồng bào bão lụt 1 ngày lương.
 - + Các hoạt động từ thiện khác: 365 triệu đồng.
 - + Tham gia hiến máu nhân đạo do Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Tập đoàn xăng dầu Việt nam tổ chức.
- Năm 2016, Tổng công ty nộp ngân sách nhà nước trên toàn hệ thống là 188 tỷ đồng (năm 2015 là 175 tỷ đồng)

III. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

1. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng công ty.**

Tổng kết năm 2016, Tổng công ty đạt được kết quả sản xuất kinh doanh rất khả quan. Tổng doanh thu đạt 2.379 tỷ đồng, đạt 93% kế hoạch năm và bằng 92% thực hiện năm 2015; Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 140, 352 tỷ đồng, bằng 128% kế hoạch năm và bằng 114% so với thực hiện năm 2015. Tiếp tục thực hiện định hướng mang tính chiến lược về việc tái cấu trúc, sắp xếp lại mô hình tổ chức theo hướng ưu tiên các nguồn lực để phát triển thị trường, tổ chức quản lý kinh doanh theo hướng thống nhất về mô hình, thuận lợi trong việc tổ chức phát triển thị trường, giảm thiểu cạnh tranh nội bộ,... Tổng công ty thường xuyên rà soát, đánh giá lại mô hình hoạt động, sắp xếp lại mạng lưới bán hàng để nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh doanh. Tăng cường công tác quản lý hoạt động của các công ty con, các chi nhánh trực thuộc nhằm gia tăng sản lượng xuất bán, gia tăng thị phần và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật trong toàn Tổng công ty, nhờ đó công tác quản lý hàng hóa đã được cải thiện rõ rệt, không còn hiện tượng thiếu hàng tại các kho, trạm của Tổng công ty.

2. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.**

Năm 2016, những khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung cũng như nền kinh tế nước ta nói riêng đã có nhiều tác động tới tình hình quản trị kinh doanh của Tổng công ty. Nhận thức được những khó khăn mang đến từ nền kinh tế vĩ mô, Tổng công ty tiếp tục có những thay đổi về chính sách kinh doanh, chính sách tạo nguồn nhằm hạn chế tối đa những tác động tiêu cực của nền kinh tế; thực hiện cơ cấu nguồn hàng mềm dẻo, linh hoạt nhằm tạo lợi thế về sự ổn định nguồn hàng. Năm 2016 Tổng công ty đã một kế quả kinh doanh rất khả quan, để có kết quả như vậy là sự cố gắng, nỗ lực không biết mệt mỏi của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Đại hội đồng cổ đông và nhiệm vụ do Hội đồng quản trị đề ra.

3. **Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị.**

- Tiếp tục thực hiện rà soát, tái cấu trúc mô hình tổ chức Tổng công ty theo hướng ưu tiên nguồn lực cho phát triển thị trường;
- Kiên trì thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, ưu tiên phát triển mạng lưới bán hàng trực tiếp; ưu tiên gia tăng sản lượng gas bình, đặc biệt là gas bình dân dụng;

- Đẩy mạnh công tác đổi mới, nâng cao năng lực quản trị, điều hành, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo có phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới;
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, lập kế hoạch triển khai kinh doanh các sản phẩm mới phù hợp với ngành hàng kinh doanh như CNG, LNG,... để khai thác tối đa cơ sở vật chất và nguồn nhân lực hiện có của Tổng công ty.
- Tăng cường hợp tác với các bạn hàng, các nhà cung cấp; ưu tiên hợp tác phát triển cùng các công ty xăng dầu thành viên Tập đoàn xăng dầu Việt nam nhằm mở rộng thị trường, nâng cao thị phần và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp;
- Bảo toàn và phát triển vốn; đảm bảo sự phát triển bền vững của Tổng công ty và gia tăng lợi ích của cổ đông;
- Đảm bảo việc làm và thu nhập, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, công nhân và người lao động của Tổng công ty; tích cực thực hiện công tác an sinh xã hội.

IV. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Ghi chú
1	Trịnh Quang Vinh	Chủ tịch	0 CP	Không điều hành
2	Vũ Hồng Khánh	UV	8,724 CP	Điều hành
3	Nguyễn Quang Dũng	UV	0 CP	Không điều hành
4	Nguyễn Văn Lăng	UV	0 CP	Không điều hành
5	Nguyễn Thanh Huyền	UV	0 CP	Không điều hành

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT không có các tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, trong năm 2016 HĐQT đã thực hiện được nhiều phiên họp dưới các hình thức từ họp tập trung đến các họp trực tuyến, hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Tại các phiên họp, trên cơ sở những báo cáo của Tổng giám đốc về tình hình hoạt động của Tổng công ty cũng như các giải pháp tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh trong từng giai đoạn để đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch được giao, các thành viên HĐQT đã đi sâu bàn bạc, phân tích để từ đó có những chỉ đạo sát với tình hình hoạt động của Tổng công ty thông qua nhiều hình thức đa dạng như chỉ đạo trực tiếp tại mỗi cuộc họp và/hoặc Nghị quyết sau mỗi cuộc họp.

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	001/PGC-QĐ-HĐQT	21/01/2016	V/v Ban hành “Quy chế quản lý tiền lương, thù lao và tiền thưởng đối với người quản lý doanh nghiệp”
2	002/PGC-NQ-HĐQT	21/01/2016	V/v Bổ nhiệm cán bộ
3	003/PGC-NQ-HĐQT	25/01/2016	V/v Tạm giao kế hoạch SXKD 2016
4	017/PGC-NQ-HĐQT	05/02/2016	V/v Bổ nhiệm cán bộ
5	019/PGC-NQ-HĐQT	02/03/2016	V/v Điều chỉnh hệ thống bảng lương vị trí/chức danh công việc và phụ cấp lương
6	021/PGC-NQ-HĐQT	17/03/2016	V/v Mua quyền sử dụng đất cho CN Gas Bắc Ninh
7	023/PGC-NQ-HĐQT	11/04/2016	V/v Mua quyền sử dụng đất cho PGC Đà Nẵng
8	029/PGC-NQ-HĐQT	24/05/2016	V/v Phân phối quỹ phúc lợi và khen thưởng 2015
9	031/PGC-NQ-HĐQT	27/05/2016	V/v Bổ sung nhân sự trực tiếp làm thư ký cho CT HĐQT
10	033/PGC-NQ-HĐQT	06/06/2016	V/v Cử kiểm soát viên của TCT tại các công ty TNHH
11	040/PGC-NQ-HĐQT	08/06/2016	V/v Đầu tư xe ô tô bán tải cho PGC Đà Nẵng
12	041/PGC-NQ-HĐQT	10/06/2016	V/v Mua quyền sử dụng đất cho PGC Đà Nẵng
13	042/PGC-NQ-HĐQT	10/06/2016	V/v Mua quyền sử dụng đất cho PGC Hải phòng
14	050/PGC-NQ-HĐQT	24/06/2016	V/v Trang bị xe ô tô cho PGC Sài Gòn
15	052/PGC-NQ-HĐQT	01/7/2016	Sửa đổi Qui chế Tài chính
16	055/PGC-NQ-HĐQT	18/07/2016	Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC 2016
17	056/PGC-NQ-HĐQT	13/09/2016	Mua quyền sử dụng đất cho PGC Đà Nẵng – CN Khánh hòa
18	058/PGC-NQ-HĐQT	19/10/2016	Phê duyệt DA hợp tác đầu tư trạm chiết nạp gas Sơn La
19	059/PGC-NQ-HĐQT	19/09/2016	V/v Mua quyền sử dụng đất cho PGC Hà Nội – CH số 29
20	060/PGC-NQ-HĐQT	01/11/2016	Sửa đổi Qui chế Đầu tư xây dựng
21	062/PGC-NQ-HĐQT	07/11/2016	Ban hành Qui chế thi đua khen thưởng
22	064/PGC-NQ-HĐQT	29/11/2016	V/v Kiện toàn công tác cán bộ TCT
23	065/PGC-NQ-HĐQT	19/12/2016	Quyết toán Quỹ TL 2016 và Sửa đổi Qui chế TL, tiền thưởng đối với người lao động
24	067/PGC-NQ-HĐQT	21/12/2016	Bổ sung Quỹ tiền lương để chi thưởng
25	068/PGC-NQ-HĐQT	27/12/2016	Mua xe cho Văn phòng TCT

d) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Các thành viên Hội đồng quản trị đều có chứng nhận đào tạo về quản trị công ty.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên Ban kiểm soát:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CP sở hữu
1	Kiều Văn Chiến	Trưởng Ban Kiểm soát Chuyên trách	0 CP
2	Lê Thị Hải	Thành viên Ban Kiểm soát Chuyên trách	19 CP
3	Doãn Duy Đạo	Thành viên Ban Kiểm soát Kiêm nhiệm	3,073 CP

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban Kiểm soát Tổng công ty đã thực hiện Kiểm soát Tổng công ty theo đúng Luật Doanh nghiệp, đúng Điều lệ Tổng công ty qui định.
- Ban Kiểm soát tuân thủ quy định tiến hành các cuộc họp thường kỳ hàng quý, ngoài ra còn thường xuyên gặp gỡ, trao đổi để thực hiện công việc trong công tác kiểm soát.
- Ban Kiểm soát đã bám sát các nội dung được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016. Giám sát tính thực thi nội dung những quyết nghị của Hội đồng quản trị sau mỗi phiên họp;
- Tham dự 100% các cuộc họp định kỳ của HĐQT và đưa ra các ý kiến góp ý trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn;
- Tham dự các phiên họp giao ban, họp theo chuyên đề của Ban Điều hành để tham gia ý kiến đối với việc chỉ đạo hoạt động SXKD.
- Xem xét các báo cáo tổng kết tài chính, kinh doanh hàng tháng, quý do Ban điều hành chuẩn bị để kịp thời cập nhật thông tin cho công tác kiểm soát;
- Xem xét và có ý kiến về những vấn đề được đưa ra trong báo cáo của Kiểm toán độc lập, Báo cáo gửi các cơ quan chức năng;
- Thực hiện kiểm tra định kỳ và kiểm tra chuyên đề, đã đánh giá toàn diện tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2016 và việc triển khai một số chính sách lớn trong công tác kinh doanh như: Công tác hỗ trợ bán hàng, thực hiện cơ chế khoán toàn diện đối với các cửa hàng, chi nhánh, quản lý vô bình, quản lý nguồn hàng, quản lý công nợ... Sau kiểm tra đã có kiến nghị kịp thời với HĐQT và Ban Điều hành đối với những vấn đề còn tồn tại, những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung.

3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, ban kiểm soát

a) Lương, thù lao:

- Việc trả tiền lương, tiền thưởng và các thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc được trả theo quy chế tiền lương, tiền thưởng và các quy định hiện hành của Tổng công ty gắn với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Ban quản lý điều hành Tổng công ty được thưởng từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên 2016 là: **566.325.000** đồng;
- Các thu nhập khác thực hiện theo quy định về chính sách đối với người lao động của Nhà nước và của Tổng công ty.
- Căn cứ vào phương án thù lao HĐQT, BKS năm 2016 tiền lương, tiền thưởng, thù lao và các lợi ích khác của Ban quản lý, điều hành Tổng công ty được ĐHĐCĐ thường niên 2016 thông qua, tiền lương và thù lao được trả như sau:
 - + Tổng tiền lương của Ban Tổng giám đốc: **2.796** triệu đồng
 - + Tổng thù lao, tiền lương của HĐQT, BKS: **2.773** triệu đồng
- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có giao dịch.
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.
- d) Việc thực hiện các qui định về quản trị công ty

Để tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị, trong năm qua, HĐQT đã tiếp tục xem xét, đánh giá và hoàn thiện hệ thống nội qui, qui chế, từng bước nghiên cứu, áp dụng phương pháp quản trị tiên tiến.

V. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty Gas Petrolimex-CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính."

(Trích dẫn từ báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 đã kiểm toán)

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Đính kèm sau)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Hồng Hạnh



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thông tin về Công ty

Các văn bản thành lập

Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển đổi Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101447725 cấp lần đầu ngày 14 tháng 1 năm 2004 và thay đổi lần thứ 15 ngày 22 tháng 2 năm 2016.

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Quang Vinh	Chủ tịch
Ông Vũ Hồng Khánh	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Dũng	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Lăng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thanh Huyền	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Hồng Khánh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Quang	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/2/2016)

Trụ sở đăng ký

Tầng 20, Tòa nhà Mipec Tower
Số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 44 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Vũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 6 đến trang 44.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh – số liệu so sánh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng lưu ý người đọc tới Thuyết minh 37 của báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đến việc số liệu so sánh tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được điều chỉnh lại.

Vấn đề khác – số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2016, không bao gồm các điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh 37 của báo cáo tài chính hợp nhất, được căn cứ trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và báo cáo tài chính đó đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó trong báo cáo kiểm toán ngày 16 tháng 3 năm 2016.

Sau khi phát hành báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 nói trên, Công ty đã thực hiện điều chỉnh lại một số khoản mục trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước ngày 26 tháng 9 năm 2016. Các điều chỉnh này được trình bày trong Thuyết minh 37(a).



Trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, chúng tôi đã kiểm toán các điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh 37(b) đã được áp dụng điều chỉnh hồi tố các số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015, ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Chúng tôi không được chỉ định kiểm toán, soát xét hay thực hiện bất kỳ thủ tục nào đối với báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 (mà từ đó các số liệu so sánh này được trích ra), ngoài các thủ tục kiểm toán đối với các điều chỉnh trình bày tại Thuyết minh 37(b) của báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Do vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến hay bất kỳ hình thức đảm bảo nào đối với các báo cáo tài chính đó. Tuy nhiên, theo ý kiến của chúng tôi, các điều chỉnh được trình bày trong Thuyết minh 37(b) là phù hợp và đã được áp dụng đúng.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-174-KT-HN



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2017

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 2594-2014-007-1

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.189.063.573.307	868.612.717.173
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	60.349.158.480	55.824.604.848
Tiền	111		60.349.158.480	47.305.438.181
Các khoản tương đương tiền	112		-	8.519.166.667
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		702.610.000.000	412.610.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	2.610.000.000	2.610.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	700.000.000.000	410.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		278.566.755.784	257.846.479.477
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	234.865.984.339	226.070.962.025
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.622.416.765	10.264.744.642
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	44.887.257.017	36.140.382.476
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(10.808.902.337)	(14.629.609.666)
Hàng tồn kho	140	9	124.195.026.915	126.887.073.553
Hàng tồn kho	141		126.297.927.214	131.856.649.133
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.102.900.299)	(4.969.575.580)
Tài sản ngắn hạn khác	150		23.342.632.128	15.444.559.295
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.266.658.724	860.528.849
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19.561.910.893	14.294.480.211
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16(b)	1.514.062.511	289.550.235

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		789.094.967.721	1.148.918.389.813
Các khoản phải thu dài hạn	210		799.631.178	947.589.259
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	634.081.770	781.791.259
Phải thu dài hạn khác	216		165.549.408	165.798.000
Tài sản cố định	220		433.718.562.532	401.627.743.056
Tài sản cố định hữu hình	221	10	387.715.210.163	368.809.197.857
<i>Nguyên giá</i>	222		770.150.257.395	703.622.021.148
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(382.435.047.232)	(334.812.823.291)
Tài sản cố định vô hình	227	11	46.003.352.369	32.818.545.199
<i>Nguyên giá</i>	228		57.420.473.592	43.248.828.051
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(11.417.121.223)	(10.430.282.852)
Bất động sản đầu tư	230	12	7.556.477.873	7.739.071.205
<i>Nguyên giá</i>	231		9.043.165.265	9.043.165.265
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(1.486.687.392)	(1.304.094.060)
Tài sản dở dang dài hạn	240		5.742.178.561	19.841.624.864
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	5.742.178.561	19.841.624.864
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	397.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(b)	-	397.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		341.278.117.577	321.762.361.429
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	334.183.405.913	315.158.824.186
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		7.094.711.664	6.603.537.243
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.978.158.541.028	2.017.531.106.986

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.245.733.548.230	1.385.702.913.831
Nợ ngắn hạn	310		1.084.472.461.506	1.229.384.018.742
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	154.540.716.142	159.749.395.291
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.951.406.967	5.335.648.534
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16(a)	10.399.321.493	7.511.942.030
Phải trả người lao động	314		59.046.162.227	32.639.466.846
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.823.300.416	9.020.394.478
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	672.081.138
Phải trả ngắn hạn khác	319	17(a)	14.022.812.587	74.492.984.091
Vay ngắn hạn	320	18	812.228.614.360	924.162.060.381
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		20.208.616.777	14.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	3.251.510.537	1.800.045.953
Nợ dài hạn	330		161.261.086.724	156.318.895.089
Phải trả dài hạn khác	337	17(b)	161.261.086.724	156.318.895.089
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		732.424.992.798	631.828.193.155
Vốn chủ sở hữu	410	20	732.424.992.798	631.828.193.155
Vốn cổ phần	411	21	603.426.380.000	603.426.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		603.426.380.000	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ	415	21	(49.700.000)	(49.700.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	20.254.199.280	2.928.463.221
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		94.743.410.308	19.558.442.379
- Lũy kế năm trước	421a		(8.291.987.399)	(8.265.807.218)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		103.035.397.707	27.824.249.597
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		14.050.703.210	5.964.607.555
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.978.158.541.028	2.017.531.106.986

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Thị Vân Chi
Trưởng phòng Kế toán Tài chính



Vũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****Mẫu B 02 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	2.402.576.488.601	2.589.605.258.956
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	24.004.726.520	19.631.722.262
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	25	2.378.571.762.081	2.569.973.536.694
Giá vốn hàng bán	11	26	1.782.277.689.476	2.057.123.514.960
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		596.294.072.605	512.850.021.734
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	49.227.347.123	48.203.782.366
Chi phí tài chính	22	28	44.433.494.553	39.944.910.429
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>43.594.673.550</i>	<i>36.915.257.949</i>
Chi phí bán hàng	25	29	334.875.496.944	292.791.405.498
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	131.326.616.855	117.819.244.198
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		134.885.811.376	110.498.243.975
Thu nhập khác	31		6.989.900.641	15.307.451.256
Chi phí khác	32		1.523.280.003	2.221.794.441
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		5.466.620.638	13.085.656.815

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 02 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		140.352.432.014	123.583.900.790
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	28.613.683.603	28.952.532.134
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	32	(491.174.421)	(627.704.630)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		112.229.922.832	95.259.073.286
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		103.035.397.707	88.165.229.597
Cổ đông không kiểm soát	62		9.194.525.125	7.093.843.689
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	1.708	1.541

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đỗ Thị Vân Chi
Trưởng phòng Kế toán Tài chínhVũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	140.352.432.014	123.583.900.790
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	60.166.520.982	48.267.372.646
Các khoản dự phòng	03	(478.765.833)	(23.142.101.053)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	100.195.137	730.606.123
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(48.855.149.938)	(47.540.431.049)
Chi phí lãi vay	06	43.594.673.550	36.915.257.949
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	194.879.905.912	138.814.605.406
Biến động các khoản phải thu	09	(12.150.214.313)	22.512.659.575
Biến động hàng tồn kho	10	5.558.721.919	(19.199.984.647)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	28.082.250.393	132.139.481.156
Biến động chi phí trả trước	12	(17.858.283.037)	(16.619.544.802)
		198.512.380.874	257.647.216.688
Tiền lãi vay đã trả	14	(42.825.457.763)	(37.087.083.716)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(27.701.006.331)	(28.860.688.806)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	37.671.433.341
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.769.503.492)	(9.419.102.208)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	118.216.413.288	219.951.775.299

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(81.562.626.841)	(132.929.754.322)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.262.874.461	2.384.306.539
Tiền gửi có kỳ hạn	23	(323.000.000.000)	(930.000.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	24	430.000.000.000	872.068.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	21.487.557.661
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	37.513.833.388	35.869.063.014
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	64.214.081.008	(131.120.827.108)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	1.812.405.819.285	1.967.313.581.267
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.924.339.265.306)	(2.110.348.592.117)
Tiền trả cổ tức	36	(65.972.421.640)	(60.338.502.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(177.905.867.661)	(203.373.513.650)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	4.524.626.635	(114.542.565.459)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	55.824.604.848	170.367.170.307
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(73.003)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	60.349.158.480	55.824.604.848

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Thị Vân Chi
Trưởng phòng Kế toán Tài chính



Vũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCĐN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 22 tháng 2 năm 2016 với số vốn điều lệ là 603.426.380.000 VND.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Tổng Công ty chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PGC.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,37% vốn điều lệ.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vỏ bình gas); và kiểm định, bảo dưỡng các loại vỏ bình gas.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có 6 công ty con (1/1/2016: 6 công ty con) như sau:

	Hoạt động chính	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Kinh doanh gas hóa lỏng	TP. Hồ Chí Minh	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	Kinh doanh gas hóa lỏng	Đà Nẵng	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	Kinh doanh gas hóa lỏng	Hải Phòng	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	Kinh doanh gas hóa lỏng	Hà Nội	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Kinh doanh gas hóa lỏng	Cần Thơ	100%
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	Sản xuất, sửa chữa, lắp đặt bình gas	TP. Hồ Chí Minh	51%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty và các công ty con có 1.058 nhân viên (1/1/2016: 937 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tổng Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) hoặc bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30 năm
▪ Máy móc, thiết bị	6 - 10 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	8 - 10 năm
▪ Dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
▪ Tài sản khác	3 - 5 năm

(h) **Tài sản cố định vô hình**

(i) **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất phản ánh quyền sử dụng đất cho các lô đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm. Không tính khấu hao cho các lô đất mà Tổng Công ty và các công ty con có quyền sử dụng đất vô thời hạn.

(ii) **Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 4 đến 10 năm.

(i) **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Quyền sử dụng đất	48 năm
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	48 năm

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Vở bình gas

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng hướng dẫn tại Thông tư 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Công văn hướng dẫn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và số 7776/BTC-TCT ngày 2 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai” trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vở bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vở bình gas được nhận. Theo đó, vở bình gas được ghi nhận theo giá gốc ban đầu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 10 năm.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 488 tháng.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas

Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas được phân bổ từ số tiền ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và trong năm kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh gas hóa lỏng và một khu vực địa lý là Việt Nam do các điều kiện kinh tế, chính trị và pháp luật là tương tự như nhau.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(u) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ của Tổng Công ty (Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	5.802.134.237	3.420.564.934
Tiền gửi ngân hàng	54.547.024.243	43.884.873.247
Các khoản tương đương tiền	-	8.519.166.667
	<hr/>	<hr/>
	60.349.158.480	55.824.604.848

5. Các khoản đầu tư tài chính**(a) Chứng khoán kinh doanh**

	Số lượng	31/12/2016 và 1/1/2016		Dự phòng giảm giá VND Đã điều chỉnh lại
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	
Cổ phiếu				
Tổng Công ty Dệt may Hà Nội	100.000	2.610.000.000	(*)	-
				<hr/>

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Giá gốc và giá trị hợp lý	
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	700.000.000.000	410.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	-	397.000.000.000

6. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngắn hạn	234.865.984.339	226.070.962.025
Dài hạn	634.081.770	781.791.259
	235.500.066.109	226.852.753.284

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	51.118.953.527	48.690.181.419

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Lãi tiền gửi	35.578.533.334	23.955.686.110
Phải thu người lao động	4.923.322.693	2.549.926.850
Phải thu khác	4.385.400.990	9.634.769.516
	44.887.257.017	36.140.382.476

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTPC

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2016			1/1/2016				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH ITG - Phong Phú	Trên 4 năm	2.467.346.164	(2.467.346.164)	(*)	Trên 3 năm	2.467.346.164	(2.467.346.164)	(*)
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng KJ	Trên 4 năm	1.751.495.029	(1.751.495.029)	(*)	Trên 3 năm	1.741.279.997	(1.741.279.997)	(*)
Công ty/TNHH Sản xuất Xích chuyên dụng Việt Nam	Trên 4 năm	1.242.815.533	(1.242.815.533)	(*)	Trên 3 năm	1.242.815.533	(1.242.815.533)	(*)
Công ty Cổ phần Cơ khí Chính xác Vinashin	-	-	-	-	Trên 3 năm	1.510.748.093	(1.510.748.093)	(*)
Khác		11.002.027.846	(5.347.245.611)	(*)		15.091.385.951	(7.667.419.879)	(*)
		16.463.684.572	(10.808.902.337)	(*)		22.053.575.738	(14.629.609.666)	(*)
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(10.808.902.337)				(14.629.609.666)	

(*) Tổng Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu và nợ khó đòi này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị có thể thu hồi. Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu và nợ khó đòi này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Hàng tồn kho**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	19.664.296.281	-	2.896.086.583	-
Nguyên vật liệu	52.089.810.613	(2.102.900.299)	59.247.515.651	(2.111.112.667)
Công cụ và dụng cụ	225.890.000	-	1.154.943.741	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.390.265.443	-	4.832.278.320	-
Thành phẩm	7.680.647.006	-	1.889.567.104	-
Hàng hóa	40.247.017.871	-	61.836.257.734	(2.858.462.913)
	<hr/>		<hr/>	
	126.297.927.214	(2.102.900.299)	131.856.649.133	(4.969.575.580)

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 3.004 triệu VND nguyên vật liệu (1/1/2016: 19.112 triệu VND nguyên vật liệu và hàng hóa) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	426.159.650.351	192.029.873.601	72.145.022.368	10.486.131.812	2.801.343.016	703.622.021.148
Tăng trong năm	3.375.074.770	3.605.900.218	9.019.533.900	394.499.330	-	16.395.008.218
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ đang (Thuyết minh 13)	10.291.941.432	34.336.997.207	14.666.416.486	-	547.947.915	59.843.303.040
Thanh lý	(3.165.118.667)	(1.515.711.589)	(4.376.072.457)	-	(264.325.354)	(9.321.228.067)
Khác	(388.846.944)	-	-	-	-	(388.846.944)
Số dư cuối năm	436.272.700.942	228.457.059.437	91.454.900.297	10.880.631.142	3.084.965.577	770.150.257.395
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	184.669.256.480	92.300.299.857	48.470.999.998	7.320.064.214	2.052.202.742	334.812.823.291
Khấu hao trong năm	20.432.160.179	25.755.961.492	7.096.699.788	1.949.737.999	193.290.895	55.427.850.353
Thanh lý	(2.487.370.832)	(1.363.123.395)	(3.705.953.711)	-	(220.374.994)	(7.776.822.932)
Khác	(28.803.480)	-	-	-	-	(28.803.480)
Số dư cuối năm	202.585.242.347	116.693.137.954	51.861.746.075	9.269.802.213	2.025.118.643	382.435.047.232
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	241.490.393.871	99.729.573.744	23.674.022.370	3.166.067.598	749.140.274	368.809.197.857
Số dư cuối năm	233.687.458.595	111.763.921.483	39.593.154.222	1.610.828.929	1.059.846.934	387.715.210.163

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 67.029 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 76.350 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 9.334 triệu VND (1/1/2016: Không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 18).

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	32.697.252.415	10.551.575.636	43.248.828.051
Tăng trong năm	2.191.582.091	-	2.191.582.091
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13)	11.980.063.450	-	11.980.063.450
Số dư cuối năm	46.868.897.956	10.551.575.636	57.420.473.592
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.943.724.026	8.486.558.826	10.430.282.852
Khấu hao trong năm	115.022.988	871.815.383	986.838.371
Số dư cuối năm	2.058.741.014	9.358.380.209	11.417.121.223
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	30.753.528.389	2.065.016.810	32.818.545.199
Số dư cuối năm	44.810.156.942	1.193.195.427	46.003.352.369

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Bất động sản đầu tư****Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	6.957.405.470	2.085.759.795	9.043.165.265
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	950.790.001	353.304.059	1.304.094.060
Khấu hao trong năm	139.140.000	43.453.332	182.593.332
Số dư cuối năm	1.089.930.001	396.757.391	1.486.687.392
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	6.006.615.469	1.732.455.736	7.739.071.205
Số dư cuối năm	5.867.475.469	1.689.002.404	7.556.477.873

Bất động sản đầu tư bao gồm một phần giá trị quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 50 năm và giá trị xây lắp đã hoàn thành của cao ốc văn phòng tại địa chỉ 322 Điện Biên Phủ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời gian khấu hao trong 48 năm tương ứng với diện tích Tổng Công ty đang cho thuê hoặc nắm giữ để cho thuê.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Số dư đầu năm	19.841.624.864	7.528.990.855
Tăng trong năm	57.723.920.187	47.960.793.501
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10)	(59.843.303.040)	(35.648.159.492)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 11)	(11.980.063.450)	-
Số dư cuối năm	5.742.178.561	19.841.624.864

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Hệ thống nạp gas bình	5.070.999.000	-
Công trình văn phòng Cần Thơ	144.378.182	144.378.182
Công trình văn phòng LPG Hà Nội	238.348.428	-
Công trình mở rộng kho Đình Vũ di dời Thượng Lý	-	11.014.302.863
Công trình bồn LPG Đà Nẵng	-	2.107.660.702
Máy móc chưa lắp đặt	-	5.580.000.000
Khác	288.452.951	995.283.117
Số dư cuối năm	5.742.178.561	19.841.624.864

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Vỏ bình gas VND	Chi phí đất trả trước VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm - đã điều chỉnh lại	270.473.666.515	24.246.818.684	20.438.338.987	315.158.824.186
Tăng trong năm	60.472.847.187	6.141.667.491	11.720.940.448	78.335.455.126
Phân bổ trong năm	(45.623.753.755)	(3.569.238.926)	(10.117.880.718)	(59.310.873.399)
Số dư cuối năm	285.322.759.947	26.819.247.249	22.041.398.717	334.183.405.913

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Phải trả người bán ngắn hạn****(a) Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	21.281.227.243	53.150.450.775
Công ty TNHH EI Corporation	38.860.881.275	64.072.648.489
PTT International Trading PTE Ltd	33.428.547.027	-
SK Gas Co., Ltd	27.215.846.715	-
Các nhà cung cấp khác	33.754.213.882	42.526.296.027
	154.540.716.142	159.749.395.291

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	5.977.141.760	2.505.675.314

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

16. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại	Số phát sinh trong năm VND	Số bù trừ/ đã nộp trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	358.096.546	629.503.900.971	(627.526.468.129)	2.335.529.388
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.714.659.950	28.513.184.449	(27.701.006.331)	7.526.838.068
Thuế thu nhập cá nhân	439.185.534	1.547.119.983	(1.449.351.480)	536.954.037
Các loại thuế khác	-	4.501.969.592	(4.501.969.592)	-
	7.511.942.030	664.066.174.995	(661.178.795.532)	10.399.321.493

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	100.499.154	(100.499.154)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	189.051.081	(3.133.946.803)	3.477.015.524	532.119.802
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	(79.640.859.943)	80.306.046.939	665.186.996
Thuế xuất nhập khẩu	-	(37.945.906.970)	38.262.662.683	316.755.713
	289.550.235	(120.821.212.870)	122.045.725.146	1.514.062.511

17. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	1.605.023.367	1.362.377.030
Cổ tức phải trả	287.164.820	66.259.586.460
Chi phí thuê dùng chung kho bãi	5.996.686.954	-
Lãi vay phải trả	769.215.787	-
Phải trả khác	5.364.721.659	6.871.020.601
	14.022.812.587	74.492.984.091

(b) Phải trả dài hạn khác

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Vay ngắn hạn**

	1/1/2016	Biến động trong năm		31/12/2016
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	924.162.060.381	1.812.405.819.285	(1.924.339.265.306)	812.228.614.360

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	VND	85.382.360.042	82.014.009.427
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	VND	148.483.479.605	140.177.681.147
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (iii)	VND	261.945.043.934	200.419.590.420
Ngân hàng TMCP Quân đội (iv)	VND	56.957.033.131	148.181.164.015
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (v)	VND	104.650.146.128	250.020.251.085
Ngân Hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (vi)	VND	151.810.551.520	-
Ngân hàng TM Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (vii)	VND	2.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (viii)	VND	1.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	-	103.349.364.287
		812.228.614.360	924.162.060.381

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/1230718/HĐTĐ ký ngày 26 tháng 5 năm 2016. Mục đích sử dụng khoản vay này là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tiền lãi sẽ được thanh toán vào cuối kỳ trên cơ sở định kỳ hàng tháng bằng cách khấu trừ vào tài khoản tiền gửi thanh toán của bên vay mở tại ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa theo Hợp đồng tín dụng số 162/2016-HĐTĐHM/NHCT126 ký ngày 19 tháng 10 năm 2016. Khoản vay này có thể giải ngân bằng Đồng Việt Nam (“VND”) hoặc Đô la Mỹ (“USD”). Mục đích sử dụng của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng quy định trên từng Giấy nhận nợ. Lãi thanh toán vào ngày 25 hàng tháng. Gốc trả được quy định trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng số KHPGC160108/HĐCTD.VCB ký ngày 1 tháng 12 năm 2016. Khoản vay này có thể giải ngân bằng VND hoặc USD. Mục đích sử dụng của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động, tài trợ thương mại và các mục đích khác không trái với quy định của pháp luật. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi trả vào ngày 25 hàng tháng. Thời hạn cấp tín dụng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho tới hết ngày 1 tháng 12 năm 2017. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo Phụ lục số 9877.15.057.747309.TD.PL01 ngày 5 tháng 4 năm 2016 của Hợp đồng số 9877.15.057.747309.TD ký ngày 30 tháng 10 năm 2015. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động, mở L/C, phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh khí hóa lỏng và các mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp thuận bằng văn bản trước thời điểm giải ngân của khoản vay hoặc mở thư tín dụng L/C có liên quan. Lãi cho vay và thời gian trả gốc áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ, ngày trả lãi là ngày 27 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Hội sở chính theo Hợp đồng số 108.1465/2016/HĐTDHM-DN/PGBankHN ký ngày 23 tháng 3 năm 2016. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng số VHN 150784 ký ngày 7 tháng 4 năm 2015. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (vii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0213/KHDN1/16NH ký ngày 15 tháng 12 năm 2016. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động cho công ty. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ, tính lãi hàng tháng vào ngày 26, thời hạn vay 4 tháng. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản cố định có giá trị còn lại là 9.334 triệu VND (Thuyết minh 10).
- (viii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số 441.0110/2016/HĐTDHM-PN/PGB.SG ký ngày 21 tháng 12 năm 2016. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động cho công ty. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng một lần, tính lãi hàng tháng vào ngày 26, thời hạn vay 6 tháng. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2016	2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.800.045.953	2.358.067.977
Trích lập trong năm (Thuyết minh 20)	11.220.968.076	10.887.331.165
Sử dụng trong năm	(9.769.503.492)	(11.445.353.189)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	3.251.510.537	1.800.045.953

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTPC

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2015	502.875.030.000	7.302.550.000	(49.700.000)	82.183.256.930	24.167.807.523	12.236.743.236	628.715.687.689
- đã báo cáo trước đây	-	-	-	-	(7.714.776.556)	(7.412.236.298)	(15.127.012.854)
<i>Điều chỉnh sai sót các năm trước (Thuyết minh 37)</i>							
Số dư tại ngày 1/1/2015	502.875.030.000	7.302.550.000	(49.700.000)	82.183.256.930	16.453.030.967	4.824.506.938	613.588.674.835
- đã điều chỉnh lại	100.551.350.000	(7.302.550.000)	-	(93.248.800.000)	-	-	-
Tăng vốn	-	-	-	-	88.165.229.597	7.093.843.689	95.259.073.286
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	13.994.006.291	(13.994.006.291)	-	-
- đã điều chỉnh lại	-	-	-	-	(10.724.831.894)	(162.499.271)	(10.887.331.165)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	(60.340.980.000)	(5.791.243.801)	(66.132.223.801)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 1/1/2016	603.426.380.000	-	(49.700.000)	2.928.463.221	19.558.442.379	5.964.607.555	631.828.193.155
- đã điều chỉnh lại	-	-	-	-	103.035.397.707	9.194.525.125	112.229.922.832
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	17.325.736.059	(17.325.736.059)	-	-
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	(10.524.693.719)	(696.274.357)	(11.220.968.076)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	-	(412.155.113)	(412.155.113)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2016	603.426.380.000	-	(49.700.000)	20.254.199.280	94.743.410.308	14.050.703.210	732.424.992.798

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016 và 1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	60.342.638	603.426.380.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	60.342.638	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	(3.353)	(49.700.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	60.339.285	603.376.680.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2016		2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	60.342.638	603.426.380.000	50.287.503	502.875.030.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	-	-	10.055.135	100.551.350.000
Số dư cuối năm	60.342.638	603.426.380.000	60.342.638	603.426.380.000

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

23. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 14 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức 60.341 triệu VND (2015: 60.341 triệu VND). Khoản cổ tức này đã được tạm ứng cho các cổ đông của Tổng Công ty theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 45/NQ-CHP ngày 26 tháng 11 năm 2015.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Gas giữ hộ bên thứ ba	475.739.929	496.400.000

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	940,51	21.388.606	953,99	21.440.846
Euro (“EUR”)	190,85	4.530.206	201,77	4.887.190
		<u>25.918.812</u>		<u>26.328.036</u>

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2016 VND	2015 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	2.354.519.683.186	2.547.432.659.299
▪ Cung cấp dịch vụ	17.068.237.960	13.567.923.664
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	3.518.773.774	4.152.502.995
▪ Phân bổ tiền ký cược, ký quỹ vỏ bình gas	27.469.793.681	24.452.172.998
	<u>2.402.576.488.601</u>	<u>2.589.605.258.956</u>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(19.432.887.885)	(16.322.144.655)
▪ Hàng bán bị trả lại	(4.571.838.635)	(3.309.577.607)
	<u>(24.004.726.520)</u>	<u>(19.631.722.262)</u>
Doanh thu thuần	<u>2.378.571.762.081</u>	<u>2.569.973.536.694</u>

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Giá vốn hàng bán**

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Bán hàng	1.770.438.910.521	2.042.958.888.999
▪ Cung cấp dịch vụ	12.374.159.838	9.014.042.891
▪ Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	2.331.294.398	2.907.549.892
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.866.675.281)	2.243.033.178
	<hr/> 1.782.277.689.476	<hr/> 2.057.123.514.960 <hr/>

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi	49.036.680.612	46.491.704.522
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	5.786.250
Lãi bán hàng trả chậm	90.666.511	-
Cổ tức được chia	100.000.000	100.000.000
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	1.606.291.594
	<hr/> 49.227.347.123	<hr/> 48.203.782.366 <hr/>

28. Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí lãi vay	43.594.673.550	36.915.257.949
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	738.625.866	11.008.768.401
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	100.195.137	730.606.123
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	-	(8.731.305.687)
Chi phí tài chính khác	-	21.583.643
	<hr/> 44.433.494.553	<hr/> 39.944.910.429 <hr/>

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Chi phí bán hàng**

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí nhân viên	89.960.550.182	65.841.736.147
Chi phí khấu hao	3.601.228.045	3.343.566.414
Chi phí phân bổ vô hình gas	45.623.753.755	44.537.417.354
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.454.254.835	91.821.401.819
Chi phí khác	106.235.710.127	87.247.283.764
	<hr/> 334.875.496.944	<hr/> 292.791.405.498 <hr/>

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí nhân viên	72.010.919.436	48.548.771.010
Chi phí khấu hao	6.742.787.903	10.105.219.529
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.820.707.329)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.129.968.180	29.163.191.789
Chi phí bằng tiền khác	32.263.648.665	30.002.061.870
	<hr/> 131.326.616.855	<hr/> 117.819.244.198 <hr/>

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	186.802.702.265	83.835.465.294
Chi phí nhân viên	209.346.137.707	159.754.776.570
Chi phí khấu hao	60.166.520.982	48.267.372.646
Chi phí dịch vụ mua ngoài	160.123.164.501	189.759.112.883
Chi phí khác	193.336.776.321	94.458.383.326
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***32. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	28.972.548.976	28.558.144.142
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(358.865.373)	394.387.992
	<hr/> 28.613.683.603	<hr/> 28.952.532.134
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(491.174.421)	(627.704.630)
	<hr/> 28.122.509.182	<hr/> 28.324.827.504

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận kế toán trước thuế	140.352.432.014	123.583.900.790
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	28.070.486.403	27.188.458.174
Thu nhập không chịu thuế	(20.000.000)	(22.000.000)
Chi phí không được khấu trừ thuế	430.888.152	763.981.338
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(358.865.373)	394.387.992
	<hr/> 28.122.509.182	<hr/> 28.324.827.504

(c) Thuế suất áp dụng

Từ năm 2016, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% (2015: 22%) trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 103.035.397.707 VND (2015 (đã điều chỉnh lại): 88.165.229.597 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 60.339.285 cổ phiếu (2015: 57.229.678 cổ phiếu).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do do Đại hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này cho năm tiếp theo. Nếu Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Bán hàng hóa	670.992.596.910	567.413.788.261

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2016 VND	2015 VND
Nguyên giá tài sản cố định mua trong năm chưa thanh toán	2.157.760.023	8.149.022.059

36. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Cổ tức công bố sau khi kết thúc kỳ kế toán năm

Sau khi kết thúc kỳ kế toán năm, tại cuộc họp ngày 24 tháng 2 năm 2017, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt tương ứng 12% vốn cổ phần (1.200 VND trên một cổ phiếu). Số cổ tức phải trả chưa được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

37. Số liệu so sánh

(a) Điều chỉnh theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước

Ngày 26 tháng 9 năm 2016, Kiểm toán Nhà nước đã công bố kết quả kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty và các công ty con cho năm 2015, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và báo cáo kết quả kinh doanh cho năm kết thúc cùng ngày. Báo cáo của Kiểm toán Nhà nước có nêu một số khác biệt so với số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi kiểm toán độc lập của Tổng Công ty. Tổng Công ty đã thực hiện điều chỉnh lại một số khoản mục trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

(b) Điều chỉnh sai sót các năm trước liên quan đến hợp nhất báo cáo tài chính

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã nhận thấy trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm trước, lợi nhuận chưa thực hiện liên quan đến các giao dịch Tổng Công ty mua vỏ bình gas từ một công ty con chưa được loại trừ hoàn toàn.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã xác định đây là sai sót cần điều chỉnh hồi tố. Theo đó, một số khoản mục trong bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2016, trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, trong báo cáo lưu chuyển tiền hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và số dư Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 tại Thuyết minh 20 đã được điều chỉnh lại.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

(i) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2016			
	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước VND (a)	Điều chỉnh sai sót năm trước VND (b)	Đã điều chỉnh lại VND
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(1.610.000.000)	1.610.000.000	-	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	16.402.744.642	(6.138.000.000)	-	10.264.744.642
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(14.736.459.960)	106.850.294	-	(14.629.609.666)
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	13.736.480.211	558.000.000	-	14.294.480.211
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	302.841.075	(13.290.840)	-	289.550.235
Xây dựng cơ bản dở dang	14.261.624.864	5.580.000.000	-	19.841.624.864
Chi phí trả trước dài hạn	339.539.545.092	-	(24.380.720.906)	315.158.824.186
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	956.698.130	(322.000.000)	5.968.839.113	6.603.537.243
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.401.477.135	110.464.895	-	7.511.942.030
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	27.677.407.535	1.271.094.559	(9.390.059.715)	19.558.442.379
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	14.986.429.633	-	(9.021.822.078)	5.964.607.555

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2015			Đã điều chỉnh lại VND
	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước VND (a)	Điều chỉnh sai sót năm trước VND (b)	
Giá vốn hàng bán	2.052.912.144.526	-	4.211.370.434	2.057.123.514.960
Chi phí tài chính	41.554.910.429	(1.610.000.000)	-	39.944.910.429
Chi phí bán hàng	292.662.881.562	128.523.936	-	292.791.405.498
Chi phí quản lý doanh nghiệp	117.926.094.492	(106.850.294)	-	117.819.244.198
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28.957.300.335	(4.768.201)	-	28.952.532.134
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(23.203.135)	322.000.000	(926.501.495)	(627.704.630)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	97.272.847.666	1.271.094.559	(3.284.868.939)	95.259.073.286
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông của công ty mẹ	88.569.418.197	1.271.094.559	(1.675.283.159)	88.165.229.597
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.759	22	(240)	1.541

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	2015		
	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước VND (a)	Điều chỉnh sai sót năm trước VND (b)
Lợi nhuận trước thuế	126.206.944.866	1.588.326.358	123.583.900.790
Các khoản dự phòng	(21.425.250.759)	(1.716.850.294)	(23.142.101.053)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	143.154.499.776	(128.523.936)	138.814.605.406
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	132.010.957.220	128.523.936	132.139.481.156
Biến động chi phí trả trước	(20.830.915.236)	-	4.211.370.434
			123.583.900.790
			(23.142.101.053)
			138.814.605.406
			132.139.481.156
			(16.619.544.802)

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Thị Vân Chi
Trưởng phòng Kế toán Tài chính



Vũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc

